

Phiếu An toàn Hóa chất

Trang: 1/11

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 09.07.2024
Sản phẩm: **Hydroxyciol**

Phiên bản: 1.0

(30035061/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 11.10.2025

1. Nhận dạng hóa chất và thông tin về nhà cung cấp

Tên sản phẩm:
Hydroxyciol

Sử dụng: Hóa chất, Chemical for detergents, Hóa chất dùng cho xà phòng, chất tẩy rửa và mỹ phẩm

Công ty:

Công ty TNHH BASF Việt Nam
Tầng 23, Ngõ nhà Đức Thành phố Hồ Chí Minh,
33 Lê Duẩn, Phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: +84 28 3824 3833
Số fax: +84 28 3824 3832
Địa chỉ mail: minh-triet.thieu@basf.com

Thông tin khẩn cấp:

18001703 (Việt Nam)
Số fax: +84 28 3824 3832
International emergency number:
Điện thoại: +49 180 2273-112

2. Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

Phân loại về chất và hợp chất:
Kích ứng mắt: Cat.2B

Ghi nhãn sản phẩm và cảnh báo nguy cơ:

Cảnh báo:
Cảnh báo

Cảnh báo nguy cơ:
H320 Gây kích ứng mắt.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 09.07.2024
Sản phẩm: **Hydroxyciol**

Phiên bản: 1.0

(30035061/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 11.10.2025

Biện pháp phòng ngừa:

P264

Rửa kỹ với nhiều nước và xà phòng sau khi sử dụng.

Lưu ý khi tiếp xúc:

P305+P351+P338

NEU VẮNG VÀO MẮT: Rửa sạch cẩn thận với nước trong vài phút.

Tháo kính sát trùng, nếu có và thực hiện nhẹ nhàng. Tiếp tục rửa sạch.

P337+P313

Nếu kích ứng mắt kéo dài: Yêu cầu trợ giúp y tế

Những mối nguy hiểm khác mà không được phân loại:

Trường hợp thông tin ứng dụng được cung cấp trong phần này về những mối nguy cơ khác không đưa đến kết quả phân loại nguy hiểm nhưng vẫn ảnh hưởng đến những nguy cơ tổng quát của đơn chất hoặc hợp chất.

3. Thông tin về thành phần các chất

Bản chất của hoá chất

Trạng thái chất: Chất

3,7-dimethyloctane-1,7-diol

Số CAS: 107-74-4

Thành phần nguy hại

3,7-dimethyloctane-1,7-diol

Hàm lượng (W/W): $\geq 75\%$ - $\leq 100\%$

Số CAS: 107-74-4

Eye Dam./Irrit.: Cat. 2B

3,7-Dimethyl-octen-6-ol-1

Hàm lượng (W/W): $> 0\%$ - $< 0.2\%$

Số CAS: 106-22-9

Acute Tox.: Cat. 5 (tiếp xúc miệng)

Acute Tox.: Cat. 5 (trên da)

Kích ứng da: Cat. 2

Kích ứng mắt: Cat. 2A

Skin Sens.: Cat. 1B

Aquatic Acute: Cat. 2

7-hydroxycitronellal

Hàm lượng (W/W): $> 0\%$ - $< 0.2\%$

Số CAS: 107-75-5

Kích ứng mắt: Cat. 2A

Skin Sens.: Cat. 1B

Aquatic Acute: Cat. 3

4. Biện pháp sơ cứu về y tế

Khuyến cáo chung:

Cởi bỏ quần áo nhiễm bẩn.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 09.07.2024
Sản phẩm: **Hydroxyciol**

Phiên bản: 1.0

(30035061/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 11.10.2025

Nếu hít phải:

Giữ bệnh nhân bình tĩnh, di chuyển ra nơi có không khí trong lành, gọi bác sĩ.

Khi tiếp xúc với da:

Rửa kỹ bằng xà phòng và nước.

Khi tiếp xúc với mắt:

rửa mắt bị ảnh hưởng trong ít nhất 15 phút dưới vòi nước với mí mắt mở to, tư vấn với chuyên gia mắt

Khi nuốt phải:

Ngay lập tức súc miệng và sau đó uống 200-300 ml nước, gọi bác sĩ.

Lưu ý cho bác sĩ:

Triệu chứng: Thông tin, thông tin bổ sung về các triệu chứng và tác dụng được thể hiện trong các cụm từ ghi nhãn GHS trong Phần 2 và trong đánh giá Độc tính ở Phần 11.

Việc xử lý: Điều trị theo các triệu chứng (khử độc, chức năng sống), không có thuốc giải độc đặc trưng.

5. Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn

Phương tiện chữa cháy phù hợp:

cacbon dioxide, bột khô, bọt, Phun nước

Những phương tiện chữa cháy không phù hợp vì lý do an toàn:

Vòi phun nước

Những mối nguy hiểm cụ thể:

các oxit cacbon, những chất dạng hơi có hại

Những chất/nhóm chất được đề cập có thể thoát ra khi cháy.

Thiết bị bảo vệ đặc biệt:

Trang bị dụng cụ hô hấp độc lập và áo quần bảo hộ chống hóa chất.

Thông tin bổ sung:

Loại bỏ những mảnh vụn cháy và nước chữa cháy bị nhiễm bẩn hóa chất theo các quy định chính thức. Làm mát các thùng nguy hiểm bằng cách phun nước.

6. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố

Những cảnh báo cá nhân:

Sử dụng quần áo bảo hộ lao động. Thông tin về phương thức bảo vệ cá nhân xem chương 8. Đảm bảo hệ thống thông thoáng đầy đủ. Không hít thở hơi/bụi nước. Tránh tiếp xúc với da, mắt và áo quần.

Cảnh báo môi trường:

Không thải vào cống rãnh/nước mặt/nước ngầm.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 09.07.2024
Sản phẩm: **Hydroxyciol**

Phiên bản: 1.0

(30035061/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 11.10.2025

Phương pháp lau dọn hoặc thu gom:

Cho lượng nhỏ: Chứa đựng với vật liệu hấp thụ (vd. cát, gien silica, chất gắn axit, chất gắn đa năng, mùn cưa).

Cho lượng lớn: Rãnh chống tràn đổ. Bơm hút sản phẩm.

Xử lý vật liệu hấp thụ theo các quy định.

7. Yêu cầu về sử dụng, bảo quản

Hướng dẫn sử dụng

Phải bảo đảm thông thoáng hoàn toàn ở khu vực lưu trữ và làm việc. Mặc quần áo bảo hộ lao động và đeo thiết bị bảo vệ mắt/ mặt phù hợp Tránh tiếp xúc với da, mắt và áo quần. Giữ thùng chứa thật kín.

Phòng chống cháy nổ:

Lưu ý biện pháp phòng ngừa mạch tĩnh điện. Tránh các nguồn phát sinh tia lửa điện: nhiệt, tia lửa, ngọn lửa hở.

Hướng dẫn bảo quản

Thông tin bổ sung về điều kiện lưu trữ: Bảo quản vật chứa kín và khô; cất trữ nơi thoáng mát.

8. Kiểm soát phơi nhiễm / yêu cầu về thiết bị bảo vệ cá nhân

Thành phần của các thông số kiểm soát khu vực làm việc

Không có giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp cụ thể được biết đến.

Thiết bị bảo hộ cá nhânBảo vệ hô hấp:

Thiết bị bảo vệ hô hấp thích hợp trong điều kiện nồng độ cao hơn hoặc tác động lâu dài: Bộ lọc khí dành cho khí/ hơi của các hợp chất hữu cơ (điểm sôi >65 °C, vd EN 14387 Loại A)

Bảo vệ tay:

Găng tay chống hóa chất thích hợp (EN ISO 374-1) cũng với quá trình tiếp xúc lâu dài và trực tiếp (Đề nghị: Chỉ số bảo vệ 6, tương ứng > 480 phút thời gian thẩm thấu theo EN ISO 374-1) : Vd. cao su nitrile (0.4 mm), cao su chloroprene (0.5 mm), cao su butyl (0.7 mm) v

Lưu ý bổ sung: Các thông số dựa trên thí nghiệm, dữ liệu lý thuyết và thông tin của nhà sản xuất găng tay hay hay có nguồn gốc từ những chất tương tự theo phép loại suy. Tùy thuộc vào nhiều điều kiện khác nhau (như nhiệt độ), trên thực tế việc sử dụng các găng tay chống hoá chất có thể ngắn hơn nhiều so với thời gian thẩm thấu được xác định qua các thí nghiệm
Nên tuân thủ những hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất do sự đa dạng về chủng loại.

Bảo vệ mắt:

Kính an toàn với chắn bảo vệ các cạnh (kính gọng) (vd. EN 166)

Bảo vệ toàn thân:

Bảo vệ cơ thể được chọn dựa vào hoạt động và khả năng phơi nhiễm, ví dụ tạp dề, ủng bảo vệ, quần áo chống hoá chất (theo EN 14605 trong trường hợp hoá chất văng hoặc EN ISO 13982 trong trường hợp bụi).

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 09.07.2024
Sản phẩm: **Hydroxyciol**

Phiên bản: 1.0

(30035061/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 11.10.2025

Tiêu chuẩn vệ sinh và an toàn chung:

Xử lý theo quy tắc vệ sinh và an toàn công nghiệp. Yêu cầu mặc trang phục làm việc bó sát ngoài thiết bị bảo vệ cá nhân đã nêu. Tránh tiếp xúc với mắt Không ăn, uống, hút hay sử dụng thuốc lá ở nơi làm việc. Nên rửa sạch tay và/ hay mặt trước khi nghỉ ngơi và vào cuối ca. Cất trữ riêng biệt áo quần làm việc.

9. Đặc tính lý, hóa của hóa chất

Dạng:	chất lỏng, sệt	
Màu sắc:	không màu, trong	
Mùi:	hơi ngọt, mùi hương hoa	
Ngưỡng mùi:	< 100 ppm	
Giá trị pH:	5.5 (30.1 g/l, 25 °C)	
Điểm nóng chảy:	< -100 °C (> 991 - < 997.6 hPa)	
Điểm sôi:	> 268 - < 270 °C (> 991 - < 997.6 hPa)	
Điểm chớp cháy:	> 93 °C Dữ liệu tài liệu.	(, cốc kín)
Tốc độ bay hơi:	Giá trị gần đúng theo Định luật Henry hoặc theo áp suất hơi.	
Tính dễ cháy (chất rắn/Khí gas):	khó cháy	(được bắt nguồn từ điểm chớp cháy)
Giới hạn nổ dưới (LEL):	Các chất lỏng không áp dụng quy định phân loại và dán nhãn., Giới hạn nổ dưới có thể thấp hơn từ 5 - 15 °C so với độ chớp cháy.	
Giới hạn nổ trên (UEL):	Các chất lỏng không áp dụng quy định phân loại và dán nhãn.	
Nhiệt độ tự cháy:	360 °C	(Quy định 440/2008/EC, A.15)
Phân huỷ do nhiệt:	> 200 °C Không phân huỷ nếu được cất trữ và sử dụng như được chỉ dẫn/ quy định.	
Tự bắt cháy:	Dựa trên các đặc điểm cấu trúc của nó, sản phẩm không được phân loại là tự cháy.	Loại thí nghiệm: Tự bốc cháy ở nhiệt độ phòng
Khả năng tự gia nhiệt:	Không áp dụng, sản phẩm là chất lỏng	
Nguy cơ nổ:	không nổ	

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 09.07.2024
Sản phẩm: **Hydroxyciol**

Phiên bản: 1.0

(30035061/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 11.10.2025

Những đặc tính làm tăng cháy: Dựa trên các đặc điểm cấu trúc của nó sản phẩm không được phân loại là oxy hóa.	
Áp suất hơi:	0.0001 hPa (20 °C) 0.00019 hPa (25 °C) 0.0036 hPa (50 °C)
Tỷ trọng:	0.937 g/cm ³ (20 °C) Dữ liệu tài liệu.
Tỷ trọng tương đối:	0.922 - 0.930 (25 °C)
Tỷ trọng hơi (không khí):	> 1 (20 °C) Nặng hơn không khí. (được tính toán)
Tính tan trong nước:	30.1 g/l (25 °C)
Hệ số phân chia n-octanol/nước (biểu đồ Pow):	1.59 (25 °C; Giá trị pH: 3.8 - 4.8)
Hấp thụ/nước - đất:	KOC: 10; biểu đồ KOC: 1.0 Không có khả năng hấp thụ trong đất dạng rắn. (được tính toán)
Sức căng bề mặt:	Dựa trên cấu trúc hóa học, không có khả năng có bề mặt hoạt tính.
Tính nhớt, động lực:	không được xác định
Khối lượng mol:	174.28 g/mol

10. Mức ổn định và phản ứng của hóa chất

Những điều kiện cần tránh:
Xem MSDS phần 7 - Xử lý và cất trữ.

Phân huỷ do nhiệt: > 200 °C
Không phân huỷ nếu được cất trữ và sử dụng như được chỉ dẫn/ quy định.

Những chất cần tránh:
Không có bất cứ vấn đề nào trong quá trình sử dụng và bảo quản nếu tuân thủ các hướng dẫn từ nhà sản xuất.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 09.07.2024
Sản phẩm: **Hydroxyciol**

Phiên bản: 1.0

(30035061/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 11.10.2025

Sự ăn mòn kim loại: Không dự đoán ăn mòn kim loại.

Những phản ứng nguy hiểm:

Phản ứng không nguy hại nếu được cất trữ và sử dụng theo chỉ dẫn/ quy định.

Các sản phẩm phân hủy nguy hại:

Không có các sản phẩm phân hủy nguy hại nếu cất trữ và xử lý như được trình bày/ thể hiện.

Tính ổn định hóa học:

Sản phẩm thích hợp nếu cất trữ và xử lý như được trình bày/ thể hiện.

Khả năng phản ứng:

Phản ứng không nguy hại nếu được cất trữ và sử dụng theo chỉ dẫn/ quy định.

11. Thông tin về độc tính

Các đường tiếp xúc

Độc độc cấp tính khi tiếp xúc qua miệng

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:

LD50chuột (miệng): > 5,000 mg/kg

Độc độc cấp tính trên da

LD50 thỏ (da): > 5,000 mg/kg

Đánh giá độ độc cấp tính

Hầu như không độc sau 1 lần tiếp xúc với da. Hầu như không độc sau 1 lần ăn vào.

Triệu chứng

Thông tin, thông tin bổ sung về các triệu chứng và tác dụng được thể hiện trong các cụm từ ghi nhãn GHS trong Phần 2 và trong đánh giá Độc tính ở Phần 11.

Kích ứng

Đánh giá tác động kích ứng:

Không gây kích ứng da. Tiếp xúc với mắt gây kích ứng.

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:

Ăn mòn/Kích ứng da thỏ: không gây kích ứng (OECD hướng dẫn 404)

Gây tổn thương/kích ứng mắt nghiêm trọng thỏ: Gây kích ứng. (OECD hướng dẫn 405)

Dị ứng da/hô hấp

Đánh giá tính nhạy cảm:

Tác dụng mẫn cảm da đã không được theo dõi trong nghiên cứu động vật.

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:

Thử nghiệm sự sưng tấy trên tai chuột (MEST) chuột: Không làm mẫn cảm.

Gây đột biến tế bào

Đánh giá khả năng gây đột biến:

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 09.07.2024
Sản phẩm: **Hydroxyciol**

Phiên bản: 1.0

(30035061/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 11.10.2025

Chất không gây đột biến trên vi khuẩn. Không có đột biến chất trong các cuộc nghiên cứu động vật có vú.

Chất gây ung thư

Đánh giá khả năng gây ung thư:
Không dữ liệu nào cho thấy có liên quan đến tác dụng gây ung thư.

Độc đối với sinh sản

Đánh giá độ độc đến sinh sản:
Không có sẵn các dữ liệu.

Độc tính gia tăng

Đánh giá vấn đề quái thai:
Không có sẵn các dữ liệu.

Độ độc lên cơ quan đích đặc trưng (phơi nhiễm đơn)

Theo những thông tin hiện có, không phát hiện độc tính trên cơ quan đặc biệt của cơ thể sau một lần tiếp xúc với hoá chất.

Độ độc liều lượng lặp lại và cơ quan đích cụ thể (phơi nhiễm nhiều lần)

Đánh giá độ độc liều lượng lặp:
Việc hấp thu qua miệng nhiều lần một chất không phải là nguyên nhân tác động của nhiều chất liên quan.

Nguy cơ khi hít vào

không áp dụng

12. Thông tin về sinh thái

Độc sinh thái

Độc với loài cá:
LC50 (96 h) tương đương 464 mg/l, Brachydanio rerio (OECD - Hướng dẫn 203, tĩnh điện)
Các chi tiết của tác động độc tố có liên quan đến nồng độ nhỏ.

Loài không xương sống thủy sinh:
EC50 (48 h) > 100 mg/l, Daphnia magna (Hướng dẫn OECD 202, phần 1, tĩnh điện)
Chỉ thí nghiệm nồng độ có giới hạn (thí nghiệm GIỚI HẠN).

Thực vật thủy sinh:
Nồng độ tác động không quan sát được (72 h) >= 100 mg/l (tỷ lệ tăng trưởng), Desmodesmus subspicatus (Hướng dẫn OECD 201, tĩnh điện)

EC50 (72 h) > 100 mg/l (tỷ lệ tăng trưởng), Desmodesmus subspicatus (Hướng dẫn OECD 201, tĩnh điện)

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 09.07.2024
Sản phẩm: **Hydroxyciol**

Phiên bản: 1.0

(30035061/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 11.10.2025

Vi sinh vật/ Tác động lên bùn hoạt tính:

EC10 (16 h) 3,310 mg/l, *Pseudomonas putida* (DIN EN ISO 10712, ở dưới nước)

Các chi tiết của tác động độc tố có liên quan đến nồng độ nhỏ.

EC20 (30 min) > 1,000 mg/l, bùn hoạt tính, nước thải sinh hoạt (Hướng dẫn OECD 209, hiếu khí)

Đánh giá độ độc với động vật trên cạn:

Không có sẵn các dữ liệu.

Đặc tính không ổn định

Đánh giá giữa việc vận chuyển và dự luật môi trường:

Chất sẽ không bay hơi vào trong không khí từ mặt nước.

Không có khả năng hấp thụ trong đất dạng rắn.

Tính bền và tính biến chất

Thông tin bị đào thải:

> 60 % BOD của ThOD (28 d) (OECD 301F; ISO 9408; 92/69/EEC, C.4-D) (hiếu khí, bùn hoạt tính, nước thải sinh hoạt)

Đánh giá tính ổn định trong nước:

Không có sẵn các dữ liệu.

Thông tin về tính ổn định trong nước (Thuỷ phân):

Không có sẵn các dữ liệu.

Khả năng tích lũy sinh học

Đánh giá khả năng phân huỷ sinh học:

Bởi vì hệ số tích lũy giữa n-octanol/nước trong sinh khối là không hoàn toàn bình thường.

13. Thông tin về thải bỏ

Thông tin quy định tiêu hủy: Phải tuân thủ các quy định về chất thải nguy hiểm như:

- Luật số 72/2020/QH14 của Quốc hội : Luật Bảo Vệ Môi Trường.

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ : Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường : Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Tuân theo các yêu cầu pháp luật quốc gia và địa phương.

14. Thông tin khi vận chuyển

Vận chuyển nội địa:

Không được phân loại như là hàng hoá nguy hiểm theo những qui định vận tải

Số UN hoặc số ID

Không áp dụng

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
 Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 09.07.2024
 Sản phẩm: **Hydroxyciol**

Phiên bản: 1.0

(30035061/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 11.10.2025

Tên vận chuyển thích hợp của Liên Hợp Quốc:	Không áp dụng
Lớp nguy hiểm trong vận chuyển:	Không áp dụng
Nhóm đóng gói:	Không áp dụng
Mối nguy hiểm về môi trường:	Không áp dụng
Phòng ngừa đặc biệt cho người dùng	Chưa có thông tin

Vận tải đường thủy

IMDG

Không được phân loại như là hàng hoá nguy hiểm theo những qui định vận tải

Số UN hoặc số ID: Không áp dụng

Tên vận chuyển thích hợp của Liên Hợp Quốc:	Không áp dụng
---	---------------

Lớp nguy hiểm trong vận chuyển:	Không áp dụng
---------------------------------	---------------

Nhóm đóng gói:	Không áp dụng
----------------	---------------

Mối nguy hiểm về môi trường:	Không áp dụng
Ô nhiễm hàng hải:	Không

Phòng ngừa đặc biệt cho người dùng	Chưa có thông tin
------------------------------------	-------------------

Sea transport

IMDG

Not classified as a dangerous good under transport regulations

UN number or ID number: Not applicable

UN proper shipping name: Not applicable

Transport hazard class(es): Not applicable

Packing group: Not applicable

Environmental hazards: Not applicable
Marine pollutant: no

Special precautions for user: None known

Vận tải hàng không

IATA/ICAO

Không được phân loại như là hàng hoá nguy hiểm theo những qui định vận tải

Số UN hoặc số ID: Không áp dụng

Tên vận chuyển thích hợp của Liên Hợp Quốc:	Không áp dụng
---	---------------

Lớp nguy hiểm trong vận chuyển:	Không áp dụng
---------------------------------	---------------

Nhóm đóng gói:	Không áp dụng
----------------	---------------

Mối nguy hiểm về môi trường:	Không áp dụng
------------------------------	---------------

Phòng ngừa đặc biệt cho người dùng	Chưa có thông tin
------------------------------------	-------------------

Air transport

IATA/ICAO

Not classified as a dangerous good under transport regulations

UN number or ID number: Not applicable

UN proper shipping name: Not applicable

Transport hazard class(es): Not applicable

Packing group: Not applicable

Environmental hazards: Not applicable

Special precautions for user: None known

15. Thông tin về pháp luật

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 09.07.2024
Sản phẩm: **Hydroxyciol**

Phiên bản: 1.0

(30035061/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 11.10.2025

Những quy định khác

Phiếu An toàn hóa chất (SDS) được biên soạn theo các quy định quốc tế về phân loại và ghi nhãn hóa chất (GHS) cũng như các quy định pháp luật hiện hành có liên quan:

- Luật Hóa chất số 06/2007/QH12 ngày 21/11/2007.
- Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.
- Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.
- Thông tư số 17/2022/TT-BCT ngày 27/10/2022 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.
- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.
- Nghị định số 34/2024/ND-CP ngày 31/03/2024 của Chính phủ Quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa.
- Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.
- Thông tư số 37/2020/TT-BCT ngày 30/11/2020 của Bộ Công Thương quy định danh mục hàng hóa nguy hiểm phải đóng gói trong quá trình vận chuyển và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa.
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 05A:2020/BCT về an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng bảo quản, vận chuyển hóa chất nguy hiểm và các quy định pháp luật liên quan đến lĩnh vực hóa chất có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp.
- Nghị định số 33/2024/ND-CP ngày 27/03/2024 của Chính phủ Quy định việc thực hiện công ước cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học

Phải bổ sung phụ lục trong trường hợp thông tin khác về việc áp dụng luật pháp chưa được cung cấp trong phiếu An toàn hoá chất này.

16. Các thông tin cần thiết khác, bao gồm các thông tin khi xây dựng và hiệu đính Phiếu an toàn hóa chất

Bất cứ những ứng dụng dự kiến khác nên thảo luận với nhà sản xuất. Phải tuân thủ nghiêm các biện pháp bảo vệ an toàn nghề nghiệp được khuyến cáo.

Những hàng trắng bên lề trái cho biết một số hiệu chỉnh so với phiên bản trước đó.

Những thông tin trong phiếu an toàn hoá chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hoá chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn. Phiếu An toàn hóa chất chỉ mô tả sản phẩm liên quan đến những yêu cầu an toàn. Dữ liệu không mô tả thuộc tính của sản phẩm (chi tiết kỹ thuật). Người sử dụng sản phẩm chịu trách nhiệm về các quyền sở hữu, các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.